TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 5 - 2022
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Hùng

Bà Liêu Bích Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Yến, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trần Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2021/TLST–HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2021 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị A, sinh năm 1987 (có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: Số 299/1, M, Phường N, thành phố O, tỉnh Bạc Liêu.
- Bị đơn: Anh B, sinh năm 1984 (vắng mặt)
Địa chỉ: Trung Quốc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/3/2021 và biên bản lấy lời khai ngày 08/4/2021, nguyên đơn chị A trình bày: Chị và B quen biết nhau thông qua giới thiệu của người thân. Chị và anh B tìm hiểu nhau được 06 tháng thì tiến đến hôn nhân. Chị và anh B đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền của Trung Quốc vào ngày 06/8/2014 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn tại Trung Quốc. Tuy nhiên, giấy kết hôn do anh B giữ nên chị A chưa đi làm thủ tục ghi chú kết hôn tại Việt Nam được. Sau khi kết hôn, chị A sang Trung Quốc chung sống với anh B. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vả và anh B có hành vi đánh đập chị A nên tháng 10 năm 2019 chị A bỏ trốn về Việt Nam sinh sống cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm không còn, không thể duy trì cuộc sống chung với anh B nên chị A yêu cầu được ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị A xác định, quá trình chung sống anh chị có 01 người con chung tên C, sinh ngày 10/11/2015, cháu C hiện đang chung sống với chị A,

do giấy khai sinh hiện nay anh B đang giữ nên chị A không cung cấp được cho Tòa án. Chị A yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu C, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị A xác định chị và anh B không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết tài sản chung và nợ chung.

Chị A có đơn xin vắng mặt trong các buổi làm việc, hòa giải và các phiên tòa xét xử của Tòa án.

- Đối với bị đơn anh B: Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã thực hiện ủy thác tư pháp tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật. Ngày 20/4/2022, Bộ Tư pháp có văn bản số 1039/BTP-PLQT thông báo kết quả ủy thác tư pháp đối với anh B có nội dung: "*Cơ quan có thẩm quyền của Cộng hòa nhân dân Trung Hoa đã thực hiện ủy thác tư pháp nêu trên vào ngày 01/9/2021 bàng phương thức: Tống đạt hồ sơ trực tiếp cho đương sự*". Tuy nhiên, anh B không có văn bản trả lời về những vấn đề có liên quan đến quan hệ hôn nhân giữa anh và chị A, anh B cũng không về Việt Nam tham gia phiên hòa giải, phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu trình bày quan điểm về vụ án:

+ Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Quá trình giải quyết Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng theo quy định. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 14, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 121, Điều 122, Điều 123, Điều 126 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình, không công nhận chị A và anh B là vợ chồng. Về con chung, chấp nhận yêu cầu của chị A được trực tiếp nuôi con chung là cháu C, sinh ngày 10/11/2015, không xem xét nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị A không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Án phí, lệ phí ủy thác tư pháp chị A phải chịu toàn bộ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh B đang cư trú tại địa chỉ: Trung Quốc, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã thực hiện ủy thác tư pháp tống đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hòa giải, triệu tập xét xử

đối với anh B theo quy định của pháp luật nhưng anh B không về Việt Nam tham gia phiên hòa giải, phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án, nên căn cứ điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với anh B.

[4] Đối với nguyên đơn chị A đã có đơn xin xét xử vắng mặt, xét thấy, đơn xin xét xử vắng mặt của chị A là phù hợp với quy định pháp luật, nên căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với chị A.

[5] Về nội dung vụ án: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh B, chị A xác định chị và anh B tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Trung Quốc. Theo chị A, quá trình chung sống anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, hai người không tìm được tiếng nói chung, anh B có hành vi đánh chị A nên tháng 10 năm 2019 chị A bỏ trốn về vIệt Nam sinh sống cho đến nay. Sau khi chị A về Việt Nam đến nay, anh chị không còn liên hệ với nhau. Nay xét thấy tình cảm không còn, không thể duy trì cuộc sống chung với anh B nên chị A yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh B.

Đối với anh B được tống đạt văn bản tố tụng nhưng Tòa án không nhận được văn bản nêu ý kiến của anh B đối với yêu cầu của chị A.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy, chị A xác định sau khi đăng ký kết hôn tại Trung Quốc đến nay thì chị A không đến cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam để làm thủ tục ghi chú việc đăng ký kết hôn. Tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch*", tuy nhiên, việc kết hôn giữa chị A và anh B không đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam nên không có giá trị pháp lý, đồng thời, cũng chưa thực hiện thủ tục ghi chú việc kết hôn nên không được pháp luật Việt Nam công nhận là vợ chồng.

[7] Về con chung: Theo chị A xác định chị và anh B chung sống có 01 con chung tên C, sinh ngày 10/11/2015 tại Trung Quốc, tên cháu được anh B đặt là C1 nhưng khi về Việt Nam chị đặt tên cháu là C, cháu Ý hiện đang chung sống với chị A (hiện chị A không cung cấp được giấy khai sinh do giấy tờ anh B đang quản lý). Quá trình giải quyết vụ án, chị A cung cấp cho Toà án hồ sơ ủy thác tư pháp của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Q, Trung Quốc, trong hồ sơ có đơn khởi kiện của anh B, nội dung đơn thể hiện: Anh B yêu cầu được ly hôn với chị A; về con chung: có 01 người con tên C1, sinh ngày 10/11/2015. Ngày 04/5/2022, Tòa án nhận được Kết quả xét nghiệm AND thể hiện cháu C là con ruột của chị A. Do đó, đủ căn cứ xác định cháu C (tên gọi khác là C1), sinh ngày 10/11/2015 là con chung của chị A và anh B. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu về con chung của chị A được giải quyết theo quy định tại Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị A yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu C, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

[8] Xét thấy, do cháu C dưới 07 tuổi nên chưa đến tuổi pháp luật quy định phải hỏi ý kiến về nguyện vọng của cháu và việc giao con cho cha hoặc mẹ trực

tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng do Tòa án quyết định căn cứ vào điều kiện của người nuôi dưỡng, đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho con chung. Khi ly hôn, anh B đang cư trú ở nước ngoài và chị A đang trực tiếp nuôi cháu C. Để ổn định tâm sinh lý cho cháu C và chị A cũng đủ điều kiện nuôi dưỡng chăm sóc cháu C nên chấp nhận yêu cầu của chị A, tiếp tục giao cháu C cho chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Tòa án không giải quyết cấp dưỡng nuôi con do các đương sự không yêu cầu.

[9] Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[10] Về án phí; lệ phí ủy thác tư pháp: Án phí dân sự sơ thẩm, lệ phí ủy thác tư pháp chị A phải chịu toàn bộ theo quy định của pháp luật.

[11] Xét ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị A với anh B; Về con chung, chấp nhận yêu cầu của chị A được trực tiếp nuôi con chung là cháu C (tên gọi khác là C1), sinh ngày 10/11/2015, không xem xét nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị A không yêu cầu; Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết; Án phí, lệ phí ủy thác tư pháp chị A phải chịu toàn bộ. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 273; Điều 280; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 474; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 14, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 1 Điều 122, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị A và anh B.

2. Về con chung: Giao con chung tên C (tên gọi khác là C1), sinh ngày 10/11/2015 cho chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu C (tên gọi khác là C1) đang chung sống với chị A được giữ nguyên.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Chị A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị A và anh B không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), chị A đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu số 0010756 ngày 29/3/2021 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí toàn bộ.

5. Lệ phí ủy thác tư pháp: Chị A phải chịu lệ phí ủy thác tư pháp tổng cộng 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng), chị A đã nộp 200.000 đồng theo Biên lai thu số 0000053 ngày 19/4/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu không được hoàn lại.

Án xử sơ thẩm công khai, chị A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; anh B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- Cục THADS tỉnh Bạc Liêu;
- Đương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký tên và đóng dấu

Châu Minh Nguyệt